

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2016/NQ-HĐND

Tiền Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi
giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương
tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2017 - 2020

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 3

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Xét Tờ trình số 253/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2017-2020; Báo cáo thẩm tra số 44/BC-HĐND ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ ổn định ngân sách 2017-2020 theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội; các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao; các đơn vị sự nghiệp công lập; các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.

Điều 3. Phân cấp nguồn thu đối với các cấp ngân sách

1. Các nguồn thu ngân sách Trung ương hưởng 100%:

- a) Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- b) Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu;
- c) Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa nhập khẩu, bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt hàng hóa từ cơ sở kinh doanh nhập khẩu tiếp tục bán ra trong nước;
- d) Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu;
- đ) Thuế tài nguyên, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng, các loại phí, tiền thuê mặt nước, các khoản thuế, phí và thu khác từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí;
- e) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước Trung ương thực hiện;
- g) Lệ phí do các cơ quan nhà nước Trung ương thu (không kể lệ phí môn bài và lệ phí trước bạ);
- h) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước Trung ương quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;
- i) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương quản lý;
- k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc Trung ương xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật;
- l) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.

2. Các nguồn thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%:

- a) Các khoản thu (không kể hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí) của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã do cấp Trung ương, cấp tỉnh quản lý;
- b) Thuế thu nhập cá nhân bao gồm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân về hoa hồng các đại lý xổ số kiến thiết, bảo hiểm,... (không kể thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất, kinh doanh của cá nhân và thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất);
- c) Thuế bảo vệ môi trường (không kể thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hoá nhập khẩu);
- d) Thuế tài nguyên (không kể thuế tài nguyên thu từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);
- đ) Tiền sử dụng đất do tỉnh quản lý;

e) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (không kể tiền thuê đất, thuê mặt nước từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu, khí);

g) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do tỉnh quản lý;

h) Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán;

i) Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu;

k) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh quản lý;

l) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp tỉnh;

m) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

n) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu;

o) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do cấp tỉnh cấp;

p) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

q) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định;

r) Tiền đền bù thiệt hại đất do cấp tỉnh quản lý;

s) Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa;

t) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho cấp tỉnh theo quy định của pháp luật;

u) Thu từ Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh;

v) Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh;

x) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

y) Thu bổ sung từ ngân sách trung ương;

aa) Thu chuyển nguồn của ngân sách tỉnh từ năm trước chuyển sang.

3. Các nguồn thu của ngân sách cấp huyện:

3.1. Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%:

a) Lệ phí môn bài, thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế tài nguyên thu từ các doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần, doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, hợp tác xã, kinh doanh cá thể do cấp huyện quản lý;

b) Tiền sử dụng đất do cấp huyện quản lý;

c) Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước do cấp huyện quản lý;

d) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do huyện quản lý;

đ) Lệ phí trước bạ (trừ lệ phí trước bạ nhà, đất);

e) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện quản lý;

g) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp huyện;

h) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan;

i) Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu;

k) Thu cấp quyền khai thác khoáng sản đối với giấy phép do cấp huyện cấp;

l) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

m) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý;

n) Tiền đền bù thiệt hại đất thuộc cấp huyện quản lý;

o) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho cấp huyện theo quy định của pháp luật;

p) Thu kết dư ngân sách cấp huyện;

q) Các khoản thu khác của ngân sách cấp huyện theo quy định của pháp luật;

r) Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh;

s) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện từ năm trước chuyển sang.

3.2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã:

a) Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ kinh doanh do cấp xã quản lý thu;

Cụ thể:

Stt	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ điều tiết	
		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ cá nhân, hộ kinh doanh do cấp xã quản lý thu, trừ các xã, phường, thị trấn, cụ thể:	0%	100%
a	Huyện Cái Bè		
	Thị trấn Cái Bè	30%	70%
	Xã Hòa Khánh	20%	80%
	Xã Mỹ Đức Đông	20%	80%
b	Thị xã Cai Lậy		
	Phường 1	50%	50%
c	Thị xã Gò Công		
	Phường 1	80%	20%
d	Thành phố Mỹ Tho		
	Phường 1	90%	10%
	Phường 2	25%	75%
	Phường 3	25%	75%
	Phường 4	75%	25%
	Phường 5	90%	10%
	Phường 6	50%	50%
	Phường 7	50%	50%
	Phường 8	25%	75%
	Phường 10	50%	50%
	Xã Trung An	25%	75%

b) Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt động sản xuất kinh doanh của cá nhân và từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất (không kể Thuế thu nhập cá nhân từ hoạt

động sản xuất kinh doanh của cá nhân về hoa hồng các đại lý xổ số kiến thiết, bảo hiểm,...);

Cụ thể:

Stt	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ điều tiết	
		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	Thuế thu nhập cá nhân do cấp xã quản lý thu, trừ 02 phường thuộc thành phố Mỹ Tho, cụ thể:	50%	50%
1	Phường 1	85%	15%
2	Phường 5	60%	40%

c) Lệ phí trước bạ nhà, đất:

Cụ thể:

Stt	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ điều tiết	
		Ngân sách cấp huyện	Ngân sách cấp xã
	Lệ phí trước bạ nhà, đất do cấp xã quản lý thu, trừ 02 phường thuộc thành phố Mỹ Tho, cụ thể:	50%	50%
1	Phường 1	85%	15%
2	Phường 5	60%	40%

4. Các nguồn thu của ngân sách cấp xã:

4.1. Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%:

- a) Lệ phí môn bài đối với cá nhân, hộ kinh doanh do cấp xã quản lý thu;
- b) Thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- c) Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp;
- d) Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước do cấp xã quản lý;
- đ) Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã quản lý;
- e) Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã;

g) Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do cấp xã thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ;

h) Lệ phí do cấp xã thực hiện thu;

i) Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp xã quyết định thực hiện xử phạt, tịch thu;

k) Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp xã xử lý;

l) Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác;

m) Tiền đền bù thiệt hại đất thuộc cấp xã quản lý;

n) Huy động đóng góp từ các tổ chức, cá nhân cho cấp xã theo quy định của pháp luật;

o) Thu kết dư ngân sách cấp xã;

p) Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật;

q) Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên;

r) Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã từ năm trước chuyển sang.

4.2. Các khoản thu phân chia giữa ngân sách cấp huyện và ngân sách cấp xã thực hiện theo quy định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 3 Nghị quyết này.

Điều 4. Phân cấp nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách

1. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp tỉnh:

1.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do tỉnh quản lý theo quy định;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước, đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do tỉnh quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác của tỉnh theo quy định của pháp luật.

1.2. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị do cấp tỉnh quản lý, bao gồm:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp khoa học và công nghệ;

c) Sự nghiệp y tế;

d) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

đ) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

e) Sự nghiệp thể dục thể thao;

- g) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;
- h) Các hoạt động kinh tế;
- i) Chi bảo đảm xã hội;
- k) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;
- l) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định;
- m) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phần giao cho địa phương quản lý;
- n) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

1.3. Chi trả lãi, phí và chi phí phát sinh khác từ các khoản tiền do chính quyền cấp tỉnh vay.

1.4. Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính của tỉnh.

1.5. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp tỉnh.

1.6. Chi bổ sung cho ngân sách cấp huyện.

2. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp huyện:

2.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp huyện quản lý theo quy định;

b) Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của Nhà nước, đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp do cấp huyện quản lý theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản chi khác của cấp huyện theo quy định của pháp luật.

2.2. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị do cấp huyện quản lý, bao gồm:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp y tế;

c) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

d) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

đ) Sự nghiệp thể dục thể thao;

e) Sự nghiệp bảo vệ môi trường;

g) Các hoạt động kinh tế;

h) Chi bảo đảm xã hội;

i) Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

k) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định;

l) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao cho địa phương quản lý;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

2.3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp huyện.

2.4. Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã.

3. Nhiệm vụ chi của ngân sách cấp xã:

3.1. Chi đầu tư phát triển:

a) Đầu tư xây dựng cơ bản cho các chương trình, dự án do cấp xã quản lý theo quy định;

b) Các khoản chi khác của cấp xã theo quy định của pháp luật.

3.2. Chi thường xuyên:

Chi thường xuyên do cấp xã quản lý, bao gồm:

a) Sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề;

b) Sự nghiệp y tế;

c) Sự nghiệp văn hoá thông tin;

d) Sự nghiệp phát thanh, truyền hình;

đ) Sự nghiệp thể dục thể thao;

e) Các hoạt động kinh tế;

g) Chi bảo đảm xã hội;

i) Hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh Việt Nam, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam;

k) Hỗ trợ cho các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp theo quy định;

l) Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, phân giao cho địa phương quản lý;

m) Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.

3.3. Chi chuyển nguồn sang năm sau của ngân sách cấp xã.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này áp dụng cho giai đoạn ngân sách năm 2017-2020 và thay thế Nghị quyết số 263/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang về phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách thuộc chính quyền địa phương tỉnh Tiền Giang thời kỳ 2011 - 2015.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang Khóa IX, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2016 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu của (UBTVQH);
- Các Bộ: TP; KH&ĐT; Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- KTNN khu vực IX;
- Cơ quan TT Bộ Nội vụ;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Danh